TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U MINH** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **71**/2022/DS-ST
Ngày 08-8-2022
V/v tranh chấp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Ý

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Hữu Hiệp

Ông Trần Công Đẳng

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Hoàng Anh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Ngày 08 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 157/2022/TLST-DS ngày 14 tháng 6 năm 2022 về việc "Tranh chấp hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2022/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Võ Thành T, sinh năm 1957 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp 11, xã N, huyện U, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Bà Lê Thị M, sinh năm 1979 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp 11, xã N, huyện U, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện nguyên đơn ông Võ Thành T trình bày:

Ông tham gia dây hụi mở ngày 20/6/2018 âm lịch do bà Lê Thị M làm chủ, loại hụi 1.000.000 đồng, mỗi tháng khui một kỳ, tổng số 28 chân, ông tham gia 01 chân. Đến tháng 4 sau năm 2020 âm lịch ông kêu giá 400.000 đồng, số tiền hốt được là 24.900.000 đồng nhưng bà M không giao đủ tiền hụi cho ông. Ông đồng ý trừ đắp đuôi cho bà M 02 chân hụi chết là 3.000.000 đồng. Như vậy số tiền còn lại bà M phải giao cho ông là 22.300.000 đồng. Bà M đã giao ông 2.300.000 đồng, còn nợ lại 20.000.000 đồng. Ông yêu cầu bà Lê Thị M phải trả cho ông số tiền 20.000.000 đồng.

Tại phiên tòa ông xác định tiền hụi mà ông hốt nhưng bà M chưa giao đủ là

20.000.000 đồng, ông chưa đóng tiền hụi chết cho bà M 04 tháng là 4.000.000 đồng. Ông xác định có nhận 1.000.000 đồng do bà M đưa ông dịp cúng cơm vợ ông năm 2022. Ông không thừa nhận có nhận của bà M 1.500.000 đồng tiền lấy mật ong và 1.000.000 đồng tiền làm đám cúng cơm cho vợ ông năm 2021. Nay ông đồng ý trừ tiền hụi chết chưa đóng và tiền ông đã nhận của bà M tổng cộng là 5.000.000 đồng, ông yêu cầu bà M trả cho ông 15.000.000 đồng.

Bị đơn bà Lê Thị M trình bày:

Bà thống nhất việc ông T có tham gia dây hụi mở ngày 20/6/2018 âm lịch do bà làm chủ, loại hụi 1.000.000 đồng, mỗi tháng khui một kỳ, tổng số 28 chân, ông T tham gia 01 chân. Đến tháng 4 sau năm 2020 âm lịch ông T kêu giá 400.000 đồng, trừ cò 500.000 đồng, số tiền hốt được là 24.900.000 đồng nhưng bà chưa giao đủ tiền hụi cho ông T. Đúng ngày thỏa thuận là sau ngày khui 10 ngày thì bà có đưa cho ông T 3.300.000 đồng do có trừ cấn số tiền của bà Tuyết là người chung sống với ông T thời điểm đó, nên số tiền hụi bà còn thiếu ông T là 20.000.000 đồng. Khoảng 10 ngày sau, ông T kêu bà đưa 2.500.000 đồng để đi lấy mật ong, bà nói không có đủ nên chỉ đưa được 1.500.000 đồng. Qua Tết đợt cúng cơm vợ của ông T, ông T có kêu bà đưa 1.000.000 đồng nhưng bà không có nên kêu ông T mượn, sau đó khoảng 10 ngày bà đưa ông T 1.000.000 đồng. Hai khoản tiền này bà đưa trực tiếp cho ông T. Đến cúng cơm vợ ông T năm 2022 thì bà cũng đưa thêm cho ông T 1.000.000 đồng, đưa cho bà vợ sau của ông T. Do đó sau khi bà và ông T thống nhất còn thiếu 20.000.000 đồng thì bà đã đưa ông T được 3.500.000. Ngoài ra sau khi ông T hốt hụi thì chưa đóng lại cho bà 4 kỳ hụi chết là 4.000.000 đồng. Do đó bà chỉ đồng ý trả ông T số tiền 12.500.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền 15.000.000 đồng. Việc thay đổi của nguyên đơn không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên được chấp nhận.

[2] Về quan hệ pháp luật:

Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hụi và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện U Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của ông Võ Thành T thấy rằng:

Ông T, bà M thống nhất việc ông T tham gia 01 chân trong dây hụi mở ngày 20/6/2018 âm lịch do bà M làm chủ, loại hụi 1.000.000 đồng, mỗi tháng khui một kỳ, tổng số 28 chân. Đến tháng 4 sau năm 2020 âm lịch ông T kêu giá 400.000

đồng, số tiền hốt được là 24.900.000 đồng nhưng bà M chưa giao đủ tiền hụi cho ông T mà còn thiếu lại 20.000.000 đồng, sau đó bà M có đưa ông T 1.000.000 đồng vào dịp cúng cơm vợ ông T năm 2022, đối với ông T còn thiếu lại bà M 4 kỳ hụi chết là 4.000.000 đồng. Từ đó xác định ông T, bà M thống nhất việc bà M còn nợ ông T 15.000.000 đồng.

Ngoài ra bà M cho rằng có đưa cho ông T 1.500.000 đồng tiền lấy mật ong và 1.000.000 đồng tiền làm đám cúng cơm cho vợ ông T năm 2021 nên chỉ còn thiếu ông T 12.500.000 đồng. Tuy nhiên bà M không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của bà, ông T không thừa nhận nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận lời trình bày này của bà M mà buộc bà M có trách nhiệm trả cho ông T số tiền 15.000.000 đồng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5% tương ứng với số tiền theo yêu cầu của ông Đẹp được Tòa án chấp nhận cụ thể: 15.000.000 đồng x 5% = 750.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường,

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Thành T. Buộc bà Lê Thị M có nghĩa vụ trả ông Võ Thành T số tiền 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, nếu người phải thi hành án chậm thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu khoản lãi phát sinh tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

- Về án phí:

Bà Lê Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 750.000 (bảy trăm năm mươi nghìn) đồng (chưa nộp).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật

Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Ý